



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 1 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh năm lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ năm vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Phùng Ngọc Minh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019
Ông Trịnh Văn Mọi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Xuân Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019
Ông Nguyễn Năng Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Hồng Diễm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Ngô Đa NghiêM Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018
Bà Võ Thị Xuân Lan	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo (bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Quang Thảo

Ngày 6 tháng 8 năm 2019

Số: 2.0480/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 6 tháng 8 năm 2019, từ trang 7 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Giám đốc – Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		265.364.684.414	255.140.439.564
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	163.669.603.255	133.755.248.121
1. Tiền	111		12.669.603.255	6.755.248.121
2. Các khoản tương đương tiền	112		151.000.000.000	127.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.037.024.628	111.327.965.684
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	89.307.043.733	103.132.875.126
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.044.050.551	1.241.410.732
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.253.769.147	8.521.518.629
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.567.838.803)	(1.567.838.803)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.255.061.037	1.778.802.647
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.255.061.037	1.778.802.647
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.402.995.494	8.278.423.112
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.402.995.494	8.278.423.112
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.996.057.969	230.196.960.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	174.097.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	174.097.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		177.193.378.907	198.554.267.784
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	171.360.687.861	193.957.211.248
<i>Nguyên giá</i>	222		468.822.500.093	467.320.075.135
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(297.461.812.232)	(273.362.863.887)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.832.691.046	4.597.056.536
<i>Nguyên giá</i>	228		8.901.846.930	6.909.932.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.069.155.884)	(2.312.876.264)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	2.966.327.499	2.827.872.954
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.966.327.499	2.827.872.954
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	24.080.000.000	24.080.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.000.000.000	23.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.080.000.000	1.080.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.756.351.563	4.560.722.466
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.271.371.236	3.492.019.511
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.484.980.327	1.068.702.955
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		473.360.742.383	485.337.399.768

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		174.486.161.690	174.403.139.218
I. Nợ ngắn hạn	310		122.827.914.547	109.327.053.969
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	47.800.751.808	37.942.509.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.730.619.486	4.933.042.211
4. Phải trả người lao động	314		24.455.260.418	26.290.483.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.894.553.033	5.343.514.777
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	9.523.339.832	6.892.401.213
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	19.530.284.812	21.050.690.040
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	5.893.105.158	6.874.413.238
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		51.658.247.143	65.076.085.249
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	22.330.000	22.330.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	51.635.917.143	65.053.755.249
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		298.874.580.693	310.934.260.550
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	298.874.580.693	310.934.260.550
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		149.982.580.000	149.982.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.966.931.245	43.891.835.320
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		101.925.069.448	117.059.845.230
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		81.555.452.013	117.059.845.230
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.369.617.435	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		473.360.742.383	485.337.399.768

Lập, ngày 6 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Lê Hải Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	282.773.955.988	276.810.302.835
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		282.773.955.988	276.810.302.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	223.516.978.808	227.199.325.928
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.256.977.180	49.610.976.907
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.529.918.957	5.911.430.090
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.617.071.764	5.273.378.658
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.605.913.067	5.273.372.883
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.534.079.749	2.644.734.089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.877.734.621	15.769.348.433
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.758.010.003	31.834.945.817
11. Thu nhập khác	31	VI.7	419.785.407	516.142.333
12. Chi phí khác	32	VI.8	506.913.960	667.576.697
13. Lợi nhuận khác	40		(87.128.553)	(151.434.364)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.670.881.450	31.683.511.453
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	7.336.199.559	6.804.564.608
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(416.277.372)	(513.095.372)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>30.750.959.263</u>	<u>25.392.042.217</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Lập, ngày 6 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Lê Hải Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.670.881.450	31.683.511.453
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	24.855.227.965	24.606.170.670
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	9.258.839	(519.811)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.528.608.912)	(6.042.525.104)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.605.913.067	5.273.372.883
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58.612.672.409	55.520.010.091
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.599.517.999	(8.495.527.178)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		523.741.610	4.521.208
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.632.027.147	(19.361.176.403)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.096.075.893	4.063.515.307
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.136.261.667)	(4.575.218.405)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.020.720.282)	(4.027.158.412)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	42.000.000	75.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(13.837.431.200)	(4.517.027.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		70.511.621.909	18.686.938.708
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(3.632.793.633)	(2.018.376.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	280.262.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.395.055.487	3.140.302.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.762.261.854	1.402.188.277

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(14.938.243.334)	(14.438.468.360)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.416.644.700)	(10.374.198.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(44.354.888.034)</i>	<i>(24.812.666.460)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	29.918.995.729	(4.723.539.475)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	133.755.248.121	142.394.469.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.640.595)	423.316
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	163.669.603.255	137.671.353.330

Người lập biểu

Lê Hải Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 6 tháng 8 năm 2019

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 450 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 462 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. . .

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	754.994.514	2.266.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.914.608.741	6.752.981.315
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	151.000.000.000	127.000.000.000
Cộng	163.669.603.255	133.755.248.121

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	2.300.000	23.000.000.000	2.300.000	23.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾		1.080.000.000		1.080.000.000
Cộng		24.080.000.000		24.080.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000.000 VND (2.300.000 cổ phần) tương đương 57,50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 4 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực 1.080.000.000 VND tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con, công ty liên kết của Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	528.335.038	1.292.318.284
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	27.506.050.261	27.495.038.031
Cổ tức nhận được từ Công ty con	3.450.000.000	2.760.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>		
Bán tài sản cho Công ty con		285.262.545		
<i>Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực</i>				
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	555.025.727	410.359.000		
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	122.600.400	347.138.880		
Cổ tức nhận được từ Công ty liên kết	723.600.000			
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	48.369.869.151	59.717.025.429		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	45.466.329.095	55.319.320.860		
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	238.783.200	179.296.300		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	670.810.050	2.046.081.245		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	478.416.834	551.676.702		
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	986.150.324	551.702.524		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	50.375.050	39.408.200		
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	478.124.598	478.124.598		
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh (trước đây là Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh)	880.000	532.990.000		
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		18.425.000		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	40.937.174.582	43.415.849.697		
Cộng	89.307.043.733	103.132.875.126		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Công ty TNHH Thương mại Phước An	558.000.000			
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam	352.014.551	700.832.732		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam	57.636.000	376.653.000		
Các nhà cung cấp khác	76.400.000	163.925.000		
Cộng	1.044.050.551	1.241.410.732		
5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	239.815.685		1.232.363.086	
Tiền ăn ca, phí làm hàng phải thu				
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	64.512.600		509.026.745	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ:				
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	162.183.085		699.771.341	
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Hiệp Phước	5.230.000			
- Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh	7.890.000		23.565.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.013.953.462		7.289.155.543	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	758.605.481		625.052.056	
Tạm ứng	3.579.653.875		3.771.025.999	
Ký cược, ký quỹ	125.500.000		157.500.000	
Các khoản chi hộ	1.531.813.082		2.733.989.038	
Truy thu tiền thuế TNCN	3.844.599			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.536.425		1.588.450	
Cộng	6.253.769.147		8.521.518.629	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ			174.097.000	

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn dưới 1 năm	498.167.662	348.717.363	498.167.662	348.717.363
Công ty TNHH TMDV Hải Lưu	402.160.000	281.512.000	402.160.000	281.512.000
Công ty TNHH Instant Transportation Việt Nam	96.007.662	67.205.363	96.007.662	67.205.363
Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	2.578.465.000	1.289.232.500	2.578.465.000	1.289.232.500
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	2.417.425.000	1.208.712.500	2.417.425.000	1.208.712.500
Công ty Cổ phần Lime Logistics	161.040.000	80.520.000	161.040.000	80.520.000
Quá hạn trên 3 năm	129.156.004		129.156.004	
Công ty TNHH Asian Groupage Services VN	129.156.004		129.156.004	
Cộng	3.205.788.666	1.637.949.863	3.205.788.666	1.637.949.863

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.567.838.803	129.156.004
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng		
Số cuối kỳ	1.567.838.803	129.156.004

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.255.061.037		1.778.802.647	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	430.193.481	1.311.848.473
Chi phí sửa chữa tài sản	139.902.681	1.342.810.603
Chi phí bảo hiểm	2.536.941.726	4.351.713.142
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.295.957.606	1.272.050.894
Cộng	5.402.995.494	8.278.423.112

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	572.327.466	1.267.848.751
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi	112.805.294	1.893.387.814
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.586.238.476	330.782.946
Cộng	2.271.371.236	3.492.019.511

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	142.597.626.866	163.611.384.584	108.871.406.398	4.936.571.654	47.303.085.633	467.320.075.135
Mua trong kỳ	836.370.642		654.545.455		11.508.861	1.502.424.958
Số cuối kỳ	143.433.997.508	163.611.384.584	109.525.951.853	4.936.571.654	47.314.594.494	468.822.500.093

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	608.856.795	56.446.886.622	5.733.222.636	4.870.426.199	2.931.433.747	70.590.825.999
Chờ thanh lý						

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	55.106.240.152	119.076.475.171	67.227.145.963	4.879.613.069	27.073.389.532	273.362.863.887
Khấu hao trong kỳ	5.255.089.505	6.703.798.266	7.792.953.673	11.024.244	4.336.082.657	24.098.948.345
Số cuối kỳ	60.361.329.657	125.780.273.437	75.020.099.636	4.890.637.313	31.409.472.189	297.461.812.232

Giá trị còn lại

Số đầu năm	87.491.386.714	44.534.909.413	41.644.260.435	56.958.585	20.229.696.101	193.957.211.248
Số cuối kỳ	83.072.667.851	37.831.111.147	34.505.852.217	45.934.341	15.905.122.305	171.360.687.861

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 137.265.307.346 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	6.909.932.800	(2.312.876.264)	4.597.056.536
Tăng do mua sắm trong kỳ	1.991.914.130		1.991.914.130
Khấu hao trong kỳ		(756.279.620)	(756.279.620)
Số cuối kỳ	8.901.846.930	(3.069.155.884)	5.832.691.046

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 242.395.000 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định		3.494.339.088	(3.494.339.088)	
Xây dựng cơ bản dở dang	2.827.872.954	138.454.545		2.966.327.499
<i>Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái</i>	<i>2.398.465.181</i>			<i>2.398.465.181</i>
<i>Công trình kho 6</i>	<i>429.407.773</i>	<i>138.454.545</i>		<i>567.862.318</i>
Cộng	2.827.872.954	3.632.793.633	(3.494.339.088)	2.966.327.499

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.068.702.955	851.995.609
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		
<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>1.484.980.327</i>	<i>1.365.090.981</i>
<i>Hoàn nhập trong kỳ</i>	<i>(1.068.702.955)</i>	<i>(851.995.609)</i>
Số cuối kỳ	1.484.980.327	1.365.090.981

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>26.592.912.499</i>	<i>26.490.038.357</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	9.456.085.552	6.994.327.695
Công ty TNHH Tân Cảng - Hiệp Lực	50.256.360	128.862.360
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	10.008.510.532	10.283.952.903
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	687.408.231	685.379.719
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.698.156.129	1.674.929.138
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.649.461.785	1.149.483.500
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC		30.147.942
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	33.424.678	68.002.605
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	15.197.600	495.464.960
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	556.569.100	898.752.950
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	19.219.200	74.606.400
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	204.636.850	266.851.750
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	871.980.040	1.516.565.750
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		25.410.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	15.629.900	168.683.900
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	649.440.000	1.065.009.000
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	676.936.542	696.834.521
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		266.773.264
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>21.207.839.309</i>	<i>11.452.470.668</i>
Cộng	47.800.751.808	37.942.509.025

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.470.166.355	14.456.475.350	(14.103.822.396)	2.822.819.309
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.520.720.282	7.336.199.559	(4.020.720.282)	4.836.199.559
Thuế thu nhập cá nhân	942.155.574	2.899.628.861	(3.770.183.817)	71.600.618
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	4.933.042.211	24.695.303.770	(21.897.726.495)	7.730.619.486

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.670.881.450	31.683.511.453
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.525.219.890	9.359.809.445
Chi phí không hợp lý hợp lệ	1.100.318.257	2.534.354.542
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ	7.424.901.633	6.825.454.903
Lãi chênh lệch tỷ giá kỳ trước		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền	3.714.077	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.345.217.621)	(4.260.497.857)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(1.702.844)	(519.811)
Chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn chứng từ	(5.343.514.777)	(4.259.978.046)
Thu nhập chịu thuế	40.854.597.796	36.782.823.041
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(4.173.600.000)	(2.760.000.000)
Thu nhập tính thuế	36.680.997.796	34.022.823.041
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.336.199.559	6.804.564.608

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.340.550.218	1.716.137.307
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Chi phí tư vấn, tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước,	3.855.097.059	1.634.892.694
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình - Chi phí xếp dỡ, nâng hạ	404.208.546	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	81.244.613	81.244.613

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.554.002.815	3.627.377.470
Chi phí lãi vay	469.651.400	
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	2.643.484.177	2.519.723.500
Chi phí cho người lao động	382.721.783	658.989.915
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	58.145.455	448.664.055
Cộng	7.894.553.033	5.343.514.777

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	199.650.000	59.370.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca	199.650.000	59.370.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	9.323.689.832	6.833.031.213
Kinh phí công đoàn	1.060.911.484	840.118.190
Bảo hiểm xã hội	2.677.855.418	1.920.878.874
Bảo hiểm y tế	121.581.388	68.426.623
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	945.144.578	294.076.640
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.313.739.450	1.733.868.150
Tiền hoa hồng môi giới	5.482.607	65.371.284
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.198.974.907	1.910.291.452
Cộng	9.523.339.832	6.892.401.213

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	22.330.000

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú. (xem thuyết minh V.17b).

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	21.050.690.040	28.876.936.720
Số tiền vay phát sinh		
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	13.417.838.106	14.438.468.360
Số tiền vay đã trả	(14.938.243.334)	(14.438.468.360)
Số cuối kỳ	19.530.284.812	28.876.936.720

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất từ 7,9% đến 9,2%. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHĐ ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	19.530.284.812	21.050.690.040
Trên 1 năm đến 5 năm	51.635.917.143	55.483.157.139
Trên 5 năm		9.570.598.110
Cộng	71.166.201.955	86.104.445.289

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	65.053.755.249	95.008.508.907
Số tiền vay phát sinh		
Số tiền vay đã trả		
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(13.417.838.106)	(14.438.468.360)
Số cuối kỳ	51.635.917.143	80.570.040.547

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	3.535.820.544	3.087.092.694	251.500.000	6.874.413.238
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.130.150.520	11.683.972.600		12.814.123.120
Tăng khác	42.000.000			42.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(2.338.700.000)	(11.247.231.200)	(251.500.000)	(13.837.431.200)
Số cuối kỳ	2.369.271.064	3.523.834.094		5.893.105.158

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	38.251.503.465	102.005.720.714	290.239.804.179
Lợi nhuận trong kỳ trước			25.392.042.217	25.392.042.217
Trích lập các quỹ trong kỳ trước		2.539.204.221	(6.348.010.553)	(3.808.806.332)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	
Số dư cuối kỳ trước	149.982.580.000	40.790.707.686	94.052.887.978	284.826.175.664
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	43.891.835.320	117.059.845.230	310.934.260.550
Lợi nhuận trong kỳ này			30.750.959.263	30.750.959.263
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2018			(5.507.877.217)	(5.507.877.217)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận kỳ này		3.075.095.925	(10.381.341.828)	(7.306.245.903)
Chia cổ tức			(29.996.516.000)	(29.996.516.000)
Số dư cuối kỳ này	149.982.580.000	46.966.931.245	101.925.069.448	298.874.580.693

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	
Cộng	149.982.580.000	100%	149.982.580.000	

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018	
• Chia cổ tức cho các cổ đông (bằng tiền 20% Vốn điều lệ)	29.996.516.000
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng	5.507.877.217
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	3.075.095.925
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.306.245.903

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 cũng thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ quyền nhận cổ tức là 100:20 (có nghĩa là cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được thêm 20 cổ phiếu mới). Theo đó, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để chia cổ tức. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Hội đồng quản trị Công ty chưa có quyết định về việc phát hành cổ phiếu này.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	86.586,95	12.418,09

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	282.773.955.988	276.810.302.835

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.654.288.021	108.754.003.205
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	933.281.817	2.131.050.455
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		16.750.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	455.499.591	196.708.955

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	29.600.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	103.422.591	64.420.046
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh (trước đây là Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh)	67.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		36.138.182
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		72.427.273
2. Giá vốn hàng bán		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	223.516.978.808	227.199.325.928
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.355.008.912	3.150.836.796
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.310.045	73.483
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		519.811
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.173.600.000	2.760.000.000
Cộng	7.529.918.957	5.911.430.090
4. Chi phí tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.605.913.067	5.273.372.883
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.899.858	5.775
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.258.839	
Cộng	3.617.071.764	5.273.378.658
5. Chi phí bán hàng		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.515.855	674.601.802
Các chi phí khác	1.836.563.894	1.970.132.287
Cộng	2.534.079.749	2.644.734.089

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.561.329.290	6.705.877.200
Chi phí vật liệu quản lý	395.206.134	401.412.459
Chi phí đồ dùng văn phòng	762.504.551	312.711.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	727.163.511	612.636.326
Thuế, phí và lệ phí	35.333.104	22.576.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.602.143.736	3.335.070.510
Các chi phí khác	10.794.054.295	4.379.064.085
Cộng	22.877.734.621	15.769.348.433

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định		131.688.308
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	181.505.624	369.540.053
Tiền bồi thường	234.566.422	
Thu nhập khác	3.713.361	14.913.972
Cộng	419.785.407	516.142.333

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi thưởng tiết kiệm nhiên liệu đội cơ giới	199.097.860	552.914.991
Chi bồi thường tổn thất hàng hóa	272.710.720	113.175.682
Chi phí khác	35.105.380	1.486.024
Cộng	506.913.960	667.576.697

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.484.980.327)	(1.365.090.981)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.068.702.955	851.995.609
Cộng	(416.277.372)	(513.095.372)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.408.497.284	21.184.306.761
Chi phí nhân công	65.050.625.498	56.160.463.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.855.227.965	24.606.170.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.865.736.590	131.485.881.353
Chi phí khác	16.748.705.841	12.176.585.773
Cộng	248.928.793.178	245.613.408.450

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	915.654.675	939.187.853
Tiền thưởng	409.289.150	211.691.354
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	126.182.131	
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	228.000.000	228.000.000
Cộng	1.679.125.956	1.378.879.207

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty con
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh (trước đây là Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh)
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i>	10.798.814.326	11.137.622.000
<i>Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng</i>	8.640.000.000	7.500.000.000
<i>Công ty mẹ cho thuê phương tiện vận tải</i>	306.000.000	595.800.000
<i>Công ty mẹ cung cấp điện, nước</i>	1.298.416.363	1.323.081.267
<i>Chia cổ tức cho Công ty mẹ</i>	17.700.000.000	
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.493.772.563	3.606.626.415
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	1.553.514.594	1.452.229.242
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	1.048.619.650	641.050.900
<i>Mua phần mềm</i>	1.991.914.130	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	80.238.510	138.575.250
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.092.306.900	3.290.965.128
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần		2.722.002.700
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.526.774.999	1.589.403.773
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	15.695.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	490.984.500	475.228.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	66.784.000	
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	4.612.328.536	
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	18.000.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	140.838.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.521.518.182	
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	1.844.320.687	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 6 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Lê Hải Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo